TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2019/HS-ST
Ngày 06-3-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: 1// Nguyễn Hữu Bình.
Các Hội thẩm quân nhân:
1// Trương Minh Hồng;
1// Võ Thế Quyền.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: 3/ Nguyễn Thành Long, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự khu vực 53 tham gia phiên tòa: 1// Võ Viết Thuần, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại Hội trường Trung đoàn H, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Trịnh Xuân T, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1979 tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: không có nơi cư trú rõ ràng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Văn T và bà Lê Thị T; có vợ là Nguyễn Thị Kim C và có 02 con (con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/12/2018, tạm giam từ ngày 17/12/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Q, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Cao Trần Thanh T, sinh năm 1981; Chức vụ, đơn vị: Tiểu đoàn T-Ban CHQS thị xã S, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. Phạm Duy T, sinh năm 1982; Chức vụ, đơn vị: Nhân viên N-Ban CHQS thị xã S, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Thị Ngọc Q; vắng mặt.

2. Phạm Thái D; vắng mặt.

3. Nguyễn Thị S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Xuân T, quê quán xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa công tác tại Lữ đoàn 18 Quân chủng H. Tháng 12/2017 đơn vị giải quyết cho Trịnh Xuân T xuất ngũ.

Khoảng 12 giờ 00 ngày 27/11/2018, Trịnh Xuân T đi vào doanh trại Ban CHQS thị xã S, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên quan sát thấy phòng làm việc của bộ phận quân lực không có ai, trên bàn có 02 máy vi tính xách tay để ở gần cửa ra vào, 01 máy vi tính bàn để ở phía trong gần cuối phòng. Trịnh Xuân T đi vào lấy 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell màu đen, là tài sản của anh Cao Trần Thanh T giấu vào trong người rồi đi bộ ra cổng chính đơn vị. Sau khi lấy máy vi tính này, Trịnh Xuân T bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 2.000.000 đồng.

Khoảng 11 giờ 40 phút ngày 29/11/2018, Trịnh Xuân T lại đi đến doanh trại Ban CHQS thị xã S, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên. Sau khi trèo qua tường đoạn không có rào sắt, Trịnh Xuân T đi đến khu vực nhà ăn quan sát thấy mọi người đang ăn cơm, sợ bị phát hiện nên Trịnh Xuân T núp dưới gốc cây dừa để trốn. Sau khi mọi người trong nhà ăn đi hết, Trịnh Xuân T đi vào trong thấy một ít cơm thừa còn trên bàn nên lấy ăn. Ăn xong, Trịnh Xuân T đi ra thấy chiếc xe môtô hiệu Honda Future màu xanh xám, BKS 78H1-287.04, là tài sản của anh Phạm Duy T đang để ở lối đi giữa khu nhà ăn và bếp, trên ổ cắm điện xe có cắm sẵn một chùm chìa khóa. Quan sát thấy không có ai, Trịnh Xuân T đi đến rút chùm chìa khóa ra, tháo lấy chìa khóa của xe môtô ra khỏi chùm chìa khóa rồi bỏ các chìa khóa còn lại trên bờ tường nhà ăn. Trịnh Xuân T dùng chìa khóa lấy được khởi động, điều khiển xe chạy ra theo lối cổng chính của đơn vị. Đến khoảng 11 giờ ngày 10/12/2018, khi Trịnh Xuân T xuống lấy xe đang để tại nhà xe của khu nhà trọ thì bị công an phát hiện và bắt giữ.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Xuân T thừa nhận vì muốn có tiền tiêu xài bị cáo đã 02 lần lén lút vào doanh trại Ban CHQS thị xã S, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên chiếm đoạt tài sản: Lần 1 là khoảng 12 giờ 00 ngày 27/11/2018, Trịnh Xuân T đi vào phòng làm việc của bộ phận quân lực Ban CHQS thị xã S, quan sát thấy không có ai, trên bàn có 02 máy vi tính xách tay để ở gần cửa ra vào, 01 máy vi tính bàn ở phía trong gần cuối phòng, bị cáo đi vào lấy 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell màu đen và đem đến bán cho một cửa hành điện thoại di động nhưng họ không mua, sau đó bị cáo bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch với giá 2.000.000 đồng. Số tiền bán máy tính xách tay bị cáo sử dụng tiêu xài cá nhân.

Lần 2 là khoảng 11 giờ 45 phút ngày 29/11/2018, bị cáo trèo qua tường rồi đi đến khu vực nhà ăn của doanh trại Ban CHQS thị xã S, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên. Thấy mọi người đang ăn cơm, sợ bị phát hiện nên núp dưới gốc cây dừa để trốn. Khi mọi người trong nhà ăn đi hết, bị cáo đi vào trong thấy một ít cơm thừa còn trên bàn nên lấy ăn. Sau đó, bị cáo đi ra thấy chiếc xe môtô hiệu Honda Future màu xanh xám, BKS 78H1-287.04 đang để ở lối đi, trên ổ cắm điện xe có cắm chìa khóa. Bị cáo tháo lấy chìa khóa của xe môtô ra khỏi chùm chìa khóa rồi bỏ các chìa khóa còn lại trên bờ tường nhà ăn. Bị cáo cắm chìa

khóa lấy được khởi động, điều khiển xe chạy ra ngoài đơn vị. Bị cáo sử dụng xe làm phương tiện đi lại, đem xe về để tại nhà xe của khu nhà trọ. Khoảng 11 giờ ngày 10/12/2018, khi bị cáo lấy xe đang để tại nhà xe của khu nhà trọ thì bị bắt giữ.

Bị hại Cao Trần Thanh T khai tại phiên tòa: Sáng ngày 27/11/2018 tôi làm việc tại phòng làm việc của mình có để máy tính xách tay hiệu Dell màu đen trên bàn. Khoảng 12 giờ tôi đi ăn cơm trưa rồi đến phòng nghỉ để nghỉ trưa. Đến khoảng 13giờ 30 cùng ngày, khi tôi quay lại phòng làm việc thì phát hiện máy vi tính đã mất. Tôi cứ nghĩ ai mượn nên có liên hệ một số người để hỏi nhưng không có ai mượn. Máy này tôi mua đã qua sử dụng với giá 6.700.000đ thời điểm vào tháng 8/2017. Đây là tài sản cá nhân của tôi, tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị hại Phạm Duy T khai tại phiên tòa: Khoảng 07 giờ 30 sáng ngày 29/11/2018 tôi điều khiển xe mô tô đến cơ quan làm việc, sau đó đi chợ theo nhiệm vụ. Đến khoảng 09 giờ 30 sau khi đi về, tôi để xe tại lối đi giữa nhà ăn và nhà bếp, do xách nhiều đồ ăn đi chợ về nên tôi vẫn để chìa khóa xe cắm trong ổ khóa xe. Khoảng 11 giờ 30 sau khi ăn cơm xong tôi vẫn nhìn thấy xe sau đó tôi vào phòng nghỉ trưa. Khoảng 13 giờ 30 sau khi ngủ dậy thì tôi phát hiện xe đã bị mất. Xe môtô này tôi mua lại của anh Phạm Thái D với số tiền 21.000.000 vào tháng 5/2018. Tôi đã nhận lại xe và tôi không yêu cầu bồi thường gì.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐG ngày 14/12/2018 và số 52/KL-HĐĐG ngày 26/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S, tỉnh Phú Yên xác định:

- Xe môtô Honda loại Future màu xanh xám, biển kiểm soát 78H1-287.04 có giá trị thực theo giá thị trường là 20.000.000 đồng.

- Máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell, Inspiron 15 3000 Series, vi xử lý Intel Core i5-4210U, Ram 4GB, ổ cứng 500GB, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị thực theo giá thị trường là 2.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt: 22.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSQSKV53 ngày 29/01/2019, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 truy tố Trịnh Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo; đồng thời đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 173; các điểm r, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Xuân T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về dân sự: Bị hại Cao Trần Thanh T và bị hại Phạm Duy T không yêu cầu bị cáo Trịnh Xuân T bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bị cáo Trịnh Xuân T đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng, không có ý kiến tham gia tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại không ý kiến tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Xuân T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo Trịnh Xuân T đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của các bị hại nên đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Cao Trần Thanh T và anh Phạm Duy T. Cụ thể: khoảng 11 giờ 45 phút ngày 29/11/2018, bị cáo vào doanh trại Ban CHQS thị xã S, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên đi đến khu vực nhà ăn chiếm đoạt chiếc xe môtô hiệu Honda Future màu xanh xám, BKS 78H1-287.04 của anh Phạm Duy T. Trong quá trình điều tra, bị cáo Trịnh Xuân T còn khai nhận trước đó khoảng 12 giờ ngày 27/11/2018 bị cáo vào phòng bộ phận quân lực trong doanh trại Ban CHQS thị xã S, Bộ CHQS tỉnh Phú Yên chiếm đoạt 01 máy tính xách tay hiệu Dell màu đen của anh Cao Trần Thanh T. Theo định giá, xe môtô Honda loại Future màu xanh xám, biển kiểm soát 78H1-287.04 có giá trị thực theo giá thị trường là 20.000.000 đồng; Máy vi tính xách tay nhãn hiệu Dell, Inspiron 15 3000 Series, vi xử lý Intel Core i5-4210U, Ram 4GB, ổ cứng 500GB, màu đen, đã qua sử dụng có giá trị thực theo giá thị trường là 2.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản của 02 lần bị chiếm đoạt là : 22.500.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, người làm chứng, vật chứng, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo Trịnh Xuân T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Xuân T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của các bị hại, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng đến tình hình hoạt động thực hiện nhiệm vụ của đơn vị nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo trước đây từng là quân nhân, đủ khả năng nhận thức hành vi của mình, bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lòng tham và xem thường pháp luật, bị cáo muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài cho nhu cầu cá nhân mà khỏi phải tốn

mồ hôi và công sức lao động như bao nhiêu người lao động lương thiện. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại, sự lỏng lẻo trong canh gác, bảo vệ của đơn vị để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Cao Trần Thanh T và anh Phạm Duy T, giá trị tài sản bị chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã thực hiện tội phạm vì động cơ tư lợi, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội đã gây ra.

[4] Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo đã tự nguyện khai báo về việc đã chiếm đoạt chiếc máy tính xách tay của anh Cao Trần Thanh T trước khi hành vi phạm tội bị phát hiện. Thời gian công tác trước đây trong Quân đội, Trịnh Xuân T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẽ vang hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; các bị hại Cao Trần Thanh T và Phạm Duy T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, phát huy giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về dân sự: Xe môtô Honda loại Future màu xanh xám, biển kiểm soát 78H1-287.04 được thu hồi và trả lại cho bị hại Phạm Duy T. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Cao Trần Thanh T và bị hại Phạm Duy T không yêu cầu bị cáo Trịnh Xuân T phải bồi thường, xét đây là sự tự nguyện, tự định đoạt của đương sự không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trịnh Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân T phạm tội " Trộm cắp tài sản ".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm r, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Xuân T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 11/12/2018.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Trịnh Xuân T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/3/2019), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 5./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

1// Nguyễn Hữu Bình

Nơi nhận:
- VKSQS KV53;VKSQSQK5;
- CQ ĐTHS KV3 QK5;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQ THAHS QK5;
- PTHA QK5;
- Lưu THA;
- Lưu HSVA.